

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **95/2022/DS-ST**
Ngày: 15 - 11- 2022
V/v tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Thị Mỹ Duyên

2. Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ptham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 15 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pmở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về “tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2022/QĐXXST- DS, ngày 04 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Các nguyên đơn: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949. Nơi cư trú: Số 45/2, ấp T Q B, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ là ông Dương Tiến N, sinh năm 1948. Địa chỉ: số 5C, khu tập thể P K, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (có mặt)

- Nguyễn Văn G, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Số 322/2, ấp T QB, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Nguyễn Thị C, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Số 379/2, ấp T QB, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn:

Nguyễn Văn B, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Số 110/2, ấp TQB, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn B là: bà Lê Thị Mỹ H- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre (có mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1990, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1991 và ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1997. Cùng nơi cư trú: số 110/2, ấp TQ B, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre

Bà Tvà ông Lủy quyền cho ông Btham gia tố tụng; ông C, bà L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ là ông Dương Tiến Ntrình bày:

Cha bà Đ là ông Nguyễn Văn T(chết năm 1963) và mẹ là bà Trần Thị T, sinh năm 1932 (chết năm 2018). Cha mẹ bà Đ có 05 người con chung là bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn B (ông B chết năm 1973 không có vợ, con), Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị C. Ông Tvà b không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Ông Tám, Bà Tchết không để lại di chúc. Sau khi Bà Tchết thì Bà Tđể lại di sản là 03 thửa đất hiện do ông Bđang quản lý sử dụng và qua đo đạc theo hiện trạng thực tế gồm: Thửa 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) là loại đất ở nông thôn và cây lâu năm (trên đất có ngôi nhà và tiền chế của ông B); thửa 460 có diện tích 827,6m² (ký hiệu 460, 460A, 460B, 460D) là loại đất nuôi trồng thủy sản (trước đây là cái ao ông Bđã cải tạo bơm đất lên thành mặt bằng); thửa 415 có diện tích 2.791,3m² (ký hiệu 415, 415A, 415B, 415C) loại đất trồng lúa nước.

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ông Bchia di sản thừa kế theo pháp luật cho bà Đ được nhận là một phần thửa 460 (ký hiệu 460B) có diện tích là 251,4m² và một phần thửa 415 (ký hiệu 415A) có diện tích 697,9m² cùng tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc ấp TQB, xã BT, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre (Giá trị phần di sản thừa kế bà yêu cầu có giá là 874.900.000 đồng)

Tại thửa đất 460 thì ông B, Bà C có thời đất lấp thành mặt bằng với số tiền 126.000.000 đồng (trong đó ông B là 96.000.000 đồng, Bà C là 30.000.000 đồng) thì bà Đ đồng ý bồi hoàn một phần chi phí cho ông B, Bà C nếu yêu cầu của bà Đ được Tòa chấp nhận.

Bà Đ đồng ý ông Bđược nhận và tiếp tục quản lý sử dụng phần di sản thừa kế theo pháp luật là thửa đất số 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) là loại đất ở nông thôn và cây lâu năm (trên đất có ngôi nhà và tiền chế của ông B) và một phần thửa 415 (ký hiệu 415) có diện tích 697,9m² cùng tờ bản đồ số 10, là loại đất trồng lúa nước, tọa lạc ấp TQB, xã BT huyện P tỉnh Bến Tre. Giá trị phần di sản thừa kế ông Bsử dụng có giá là 1.711.830.000 đồng.

Bà Đ thống nhất đồng ý được sử dụng chung lối đi mà anh chị em của bà Đ đã đồng ý mở rộng lối đi tại một phần thửa 460 (ký hiệu 460D) có diện tích 64,5m², đất tọa lạc ấp TQB, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Đ không có tranh chấp hay yêu cầu giải quyết gì liên quan đến tài sản, công trình khác có trên phần đất tranh chấp chia thừa kế.

Bà Đ đồng ý với kết quả đo đạc theo họa đồ hiện trạng của thửa 415, 459 vào ngày 26/9/2022; thửa 460 vào ngày 25/8/2022 và kết quả định giá tài sản vào ngày 20/5/2022 để làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Về chi phí tố tụng: Bà Đ tạm ứng 20.783.000đồng, bà Đ yêu cầu Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật,

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Đ. Nay tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là ông Nguyễn Văn B chia di sản thừa kế là đất của cha, mẹ để lại cho bà là một phần thửa 460 (ký hiệu 460) có diện tích là 251,6m²; một phần thửa 415 (ký hiệu 415B) có diện tích 697,8m² cùng tờ bản đồ số 10, nhưng một phần thửa 415 (ký hiệu 415B) bà đồng ý tự nguyện giao lại cho ông B được tiếp tục quản lý sử dụng, đất tọa lạc ấp TQB, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Giá trị phần di sản thừa kế bà yêu cầu là 804.480.000 đồng.

Tại thửa đất 460 thì ông B và bà có thời đất lấp thành mặt bằng với số tiền 126.000.000 đồng (trong đó ông B là 96.000.000 đồng, bà là 30.000.000 đồng) thì bà yêu cầu xem xét bồi hoàn một phần chi phí cho ông B và bà theo quy định.

Bà đồng ý ông B được nhận và tiếp tục quản lý sử dụng phần di sản thừa kế theo pháp luật là thửa đất số 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) là loại đất ở nông thôn và cây lâu năm (trên đất có ngôi nhà và tiền chế của ông B) và một phần thửa 415 (ký hiệu 415) có diện tích 697,9m² cùng tờ bản đồ số 10, là loại đất trồng lúa nước, tọa lạc ấp TQB, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Giá trị phần di sản thừa kế ông B sử dụng có giá là 1.711.830.000 đồng.

Bà thống nhất đồng ý được sử dụng chung lối đi mà anh chị em bà đã đồng ý mở rộng lối đi tại thửa 460D có diện tích 64,5m², đất tọa lạc ấp TQB, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà không có tranh chấp hay yêu cầu giải quyết gì liên quan đến tài sản, công trình khác có trên phần đất tranh chấp chia thừa kế.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc theo họa đồ hiện trạng của thửa 415, 459 vào ngày 26/9/2022; thửa 460 vào ngày 25/8/2022 và kết quả định giá tài sản vào ngày 20/5/2022 để làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, Bà C. Nay tại phiên tòa ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia di sản thừa kế là đất của cha, mẹ để lại cho ông là một phần thửa 460 (ký hiệu 460A) có diện tích là 251,3m² và một phần thửa 415 (ký hiệu 415C) có diện tích 697,8m² cùng tờ bản đồ số 10, ông đồng ý tự nguyện giao lại toàn bộ các phần đất được chia cho ông B được

tiếp tục quản lý sử dụng, đất tọa lạc ấp TQB, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Giá trị phần di sản thừa kế ông yêu cầu có giá là 873.940.000 đồng.

Tại thửa đất 460 thì ông Bê, Bà C có thời đất lập thành mặt bằng với số 126.000.000 đồng (trong đó ông B là 96.000.000 đồng, Bà C là 30.000.000 đồng) phần đất ông yêu cầu được chia di sản thừa kế ông đã đồng ý tự nguyện giao cho ông B tiếp tục quản lý sử dụng thì ông B và các nguyên đơn còn lại tự bồi hoàn phần chi phí này ông không phải bồi hoàn cho ông Bê, Bà C.

Ông đồng ý ông B được nhận chia di sản thừa kế theo pháp luật là thửa đất số 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) là loại đất ở nông thôn và cây lâu năm (trên đất có ngôi nhà và tiền chế của ông B) và một phần thửa 415 (ký hiệu 415) có diện tích 697,9m² cùng tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc ấp TQB, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Giá trị di sản thừa kế ông B sử dụng có giá là 1.711.830.000 đồng.

Ông thống nhất đồng ý được sử dụng chung lối đi mà anh chị em ông đã đồng ý mở rộng lối đi tại thửa 460D có diện tích 64,5m², đất tọa lạc ấp TQB, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông không có tranh chấp hay yêu cầu giải quyết gì liên quan đến tài sản, công trình khác có trên phần đất tranh chấp chia thừa kế.

Ông đồng ý với kết quả đo đạc theo họa đồ hiện trạng của thửa 415, 459 vào ngày 26/9/2022; thửa 460 vào ngày 25/8/2022 và kết quả định giá tài sản vào ngày 20/5/2022 để làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn B, đồng thời nhận ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thanh L trình bày:

Theo đơn yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị C thì ông thừa nhận sau khi Bà T chết có để lại phần di sản là 03 thửa đất do ông đang trực tiếp quản lý sử dụng và qua đo đạc theo hiện trạng gồm: Thửa 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) là loại đất ở nông thôn và cây lâu năm (trên đất có ngôi nhà và tiền chế của ông); thửa 460 có diện tích 827,6m² (ký hiệu 460, 460A, 460B, 460D) là loại đất nuôi trồng thủy sản (trước đây là cái ao ông đã cải tạo thời đất lên thành mặt bằng); thửa 415 có diện tích 2.791,3m² (ký hiệu 415, 415A, 415B, 415C) loại đất trồng lúa nước.

Nay tại phiên tòa ông đồng ý :

Thửa 415 chia làm 04 phần, trong đó bà Đ sử một phần có diện tích 697,8m² (ký hiệu 415A); ông G có diện tích 697,8m² (ký hiệu 415C); Bà C có diện tích 697,8m² (ký hiệu 415B). Ông Gái, Bà C đồng ý giao phần của ông G, Bà C cho ông tiếp tục quản lý sử dụng thì ông đồng ý không có ý kiến gì.

Thửa 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) là loại đất ở nông thôn và cây lâu năm (trên đất có ngôi nhà và tiền chế của ông Bê) bà Đ, ông G, Bà C đã đồng ý giao cho ông trực tiếp quản lý sử dụng nên ông đồng ý và không có ý kiến gì.

Thửa 460 ông đồng ý với kết quả đo đạc ngày 25/8/2022 ông đồng ý chia cho ông G có diện tích 251,3m² (ký hiệu 460A), Bà C có diện tích 251,6m² (ký hiệu 460)

còn diện tích 251,4m² (ký hiệu 460B) ông không đồng ý chia cho bà Đ mà ông yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng. Ông G giao cho ông tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 251,3m² (ký hiệu 460A) thì ông đồng ý không có ý kiến gì.

Trên thửa đất 460 thì ông và Bà C có thỏi đất lập thành mặt bằng với số tiền 126.000.000 đồng (trong đó ông là 96.000.000 đồng, Bà C là 30.000.000 đồng) ông yêu cầu được bồi hoàn một phần chi phí cho ông, Bà C theo quy định.

Ông thống nhất đồng ý được sử dụng chung lối đi mà anh chị em ông đã đồng ý mở rộng lối đi tại thửa 460D có diện tích 64,5m², đất tọa lạc ấp TQB, xã B T, huyện P tỉnh Bến Tre.

Ông đồng ý với kết quả đo đạc theo họa đồ hiện trạng của thửa 415, 459 vào ngày 26/9/2022; thửa 460 vào ngày 25/8/2022 và kết quả định giá tài sản vào ngày 20/5/2022 để làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị L trình bày: Tại phiên tòa hôm nay chúng tôi thống nhất với ý kiến của cha chúng tôi là ông Nguyễn Văn B, không có ý kiến gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Văn B là bà Lê Thị Mỹ H- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre trình bày: Hội đồng xét xử xem xét:

Thửa 415 chia làm 04 phần, trong đó bà Đ sử dụng một phần có diện tích 697,8m² (ký hiệu 415A); ông G có diện tích 697,8m² (ký hiệu 415C); Bà C có diện tích 697,8m² (ký hiệu 415B). Tại tòa ông G, Bà C đồng ý giao phần của ông G, Bà C cho ông B tiếp tục quản lý sử dụng đây là việc tự nguyện nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Thửa 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) là loại đất ở nông thôn và cây lâu năm (trên đất có ngôi nhà và tiền chế của ông Bé) thì bà Đ, ông G, Bà C đã đồng ý giao cho ông B tiếp tục quản lý sử dụng nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Thửa 460 ông B đồng ý với kết quả đo đạc ngày 25/8/2022 chia phần đất thành 03 phần nhưng ông B đồng ý chia cho ông G có diện tích 251,3m² (ký hiệu 460A), Bà C có diện tích 251,6m² (ký hiệu 460) còn diện tích 251,4m² (ký hiệu 460B) ông B không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Đ mà ông B yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng do ông B có công giữ đất nên đề nghị HĐXX bác yêu cầu của bà Đ. Tại tòa ông G đồng ý giao phần nhận của ông cho ông B tiếp tục quản lý sử dụng đây là việc tự nguyện nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Trên thửa đất 460 thì ông Bé, Bà C có thỏi đất lập thành mặt bằng với số tiền 126.000.000 đồng. Đề nghị HĐXX xem xét tính bồi hoàn chi phí cho ông Bé, Bà C theo quy định.

Ông B đồng ý với kết quả đo đạc theo họa đồ hiện trạng của thửa 415, 459 vào ngày 26/9/2022; thửa 460 vào ngày 25/8/2022 và kết quả định giá tài sản vào ngày 20/5/2022 để làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử:
Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, Thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị HĐXX giải quyết:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Cụ thể giải quyết như sau:

1/ Bà Nguyễn Thị Đ được nhận phần di sản thừa kế gồm:

Một phần thừa 460 (ký hiệu 460B) có diện tích là 251,4m².

Một phần thừa 415 (ký hiệu 415A) có diện tích 697,9m²; cùng tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc ấp TQB, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Phần đất hiện nay do ông Bđang quản lý, sử dụng nên buộc ông Bcó nghĩa vụ giao lại cho bà Đ và bà Đ có có nghĩa vụ hoàn trả chi phí sang lấp mặt bằng cho ông Bvới số tiền là 29.464.000đồng; cho Bà C với số tiền là: 9.201.240đồng.

2/ Bà Nguyễn Thị C được nhận phần di sản thừa kế gồm:

Một phần thừa 460 (ký hiệu 460) có diện tích là 251,6m² do ông Bcó nghĩa vụ giao lại cho Bà C.

Một phần thừa 415 (ký hiệu 415B) có diện tích 697,8m²; cùng tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp TQB, xã BT, huyện P tỉnh Bến Tre. *Ghi nhận việc Bà C tự nguyện giao lại cho ông Bđược tiếp tục quản lý sử dụng một phần thừa 415 (ký hiệu 415B) có diện tích 697,8m², đất tọa lạc ấp TQB, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.* Bà C có có nghĩa vụ hoàn trả chi phí sang lấp mặt bằng cho ông Bvới số tiền là 9.208.560 đồng.

3/ Ông Nguyễn Văn Gđược nhận phần di sản thừa kế gồm:

Một phần thừa 460 (ký hiệu 460A) có diện tích là 251,6m².

Một phần thừa 415 (ký hiệu 415C) có diện tích 697,8m²; cùng tờ bản đồ số 10. tọa lạc ấp TQB, xã BT, huyệnP, tỉnh Bến Tre. *Ghi nhận việc ông Gtự nguyện giao lại cho ông Bđược tiếp tục quản lý sử dụng một phần thừa 460 (ký hiệu 460A) có diện tích là 251,6m²; một phần thừa 415 (ký hiệu 415B) có diện tích 697,8m², đất tọa lạc ấp TQB, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.*

4/ Ông Nguyễn Văn B được nhận phần di sản thừa kế gồm:

Trộn thừa 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) là loại đất ở nông thôn và cây lâu năm (trên đất có ngôi nhà và tiền chế của ông B) và một phần thừa 415 (ký hiệu 415) có diện tích 697,9m²; cùng tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp TQB,

xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre và được nhận phần của ông G, Bà C giao lại là: *Một phần thửa 415 (ký hiệu 415B) có diện tích 697,8m²; một phần thửa 415 (ký hiệu 415B) có diện tích 697,8m²; một phần thửa 460 (ký hiệu 460A) có diện tích là 251.6m² và ông B có nghĩa vụ hoàn trả cho Bà C chi phí sang lấp với số tiền là 9.208.560 đồng.*

Ghi nhận việc bà Đ, ông Gái, Bà C và ông B đều thống nhất chừa lại một phần đất thuộc thửa 460 (ký hiệu 460D) có diện tích 64,5m² để làm lối đi chung cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật, quy định tại Điều 649 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do phần đất đang tranh chấp tọa lạc tại xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung và thời hiệu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy: cụ Nguyễn Văn T (chết năm 1963) và cụ Trần Thị T (chết năm 2018). Ngày 10/02/2020 Tòa án thụ lý vụ án. Như vậy theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 là còn thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T (cụ T không còn thời hiệu). Do đó, áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung: Lúc sinh thời cụ Nguyễn Văn T (hy sinh năm 1963) và cụ Trần Thị Th (chết 2018). Cha mẹ bà Đ, ông G, Bà C có 05 người con chung là bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn B (ông B chết năm 1973 không có vợ, con), Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị C. Cụ T và cụ T không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Cụ Tám, cụ T chết không để lại di chúc.

[4] Về di sản thừa kế: Do cụ T mất sớm nên cụ T tiếp tục sử dụng phần di sản là 03 thửa đất hiện do ông B đang quản lý sử dụng và qua đo đạc theo hiện trạng gồm: Thửa 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) là loại đất ở nông thôn và cây lâu năm (trên đất có ngôi nhà và tiền chế của ông B); thửa 460 có diện tích 827,6m² (ký hiệu 460, 460A, 460B, 460D) là loại đất nuôi trồng thủy sản (trước đây là cái ao ông B đã sang lấp mặt bằng); thửa 415 có diện tích 2.791,3m² (ký hiệu 415, 415A, 415B, 415C) loại đất trồng lúa nước.

Tại phiên tòa các nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất nguồn gốc các thửa đất mà các nguyên đơn yêu cầu do Bà Tchétt để lại tất cả các thửa đất do khi còn sống Bà Tchétt kê khai, đăng ký và cấp QSDĐ, do không để lại di chúc nên đây là di sản thừa kế chưa được chia nên nay các nguyên đơn có yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật là có cơ sở xem xét, chấp nhận.

Tại phiên tòa các nguyên đơn đều thống nhất đồng ý với kết quả đo đạc theo họa đồ hiện trạng của thửa 415, 459 vào ngày 26/9/2022; thửa 460 vào ngày 25/8/2022 và kết quả định giá tài sản vào ngày 20/5/2022 để làm cơ sở để giải quyết vụ án. Cụ thể kết quả đo đạc theo hiện trạng và định giá như sau:

Thửa 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) là loại đất ở nông thôn và cây lâu năm (trên đất có ngôi nhà và tiền chế của ông Bể) xây cất năm 2010 các nguyên đơn đồng ý giao cho ông B được tiếp tục quản lý, sử dụng trọn thửa đất này. Giá trị được xác định:

Đất ở nông thôn giá 3.450.000đồng/m² x 300m² = 1.035.000.000đồng;

Đất cây lâu năm giá 3.200.000đồng/m² x 189,7m² = 607.040.000đồng;

Thửa 460 có diện tích 818,9m² (ký hiệu 640, 640A, 640B) là loại đất nuôi trồng thủy sản. Các nguyên đơn yêu cầu chia 03 phần bà Đ, ông G, Bà C. Giá trị được xác định 3.200.000đồng/m² x 818,9 m² = 2.620.480.000đồng; Các nguyên đơn thống nhất chừa lại một phần thửa 460 (ký hiệu 460D) có diện tích 64,5m² để làm lối đi chung cho gia đình.

Thửa 415 có diện tích 2791,3m² (ký hiệu 415, 415A, 415B, 415C) là loại đất trồng lúa nước. Các nguyên đơn thống nhất chia 04 phần bà Đ, ông G, Bà C và ông Bể. Giá trị được xác định 100.000đồng/m² x 2791,3m² = 279.130.000đồng.

Như vậy tổng giá trị các thửa đất được chia di sản thừa kế theo pháp luật nếu chia đều cho 04 phần bằng nhau thì mỗi phần thừa kế có giá trị là 924.142.500đồng

Xét thấy nếu thực hiện phân chia theo yêu cầu của các nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì giá trị phần di sản phân chia cho mỗi người sẽ không bằng nhau.

Đối với thửa 460 nếu thống nhất theo nguyên đơn chia cho 03 phần không chia phần cho ông B thì không đúng nguyên tắc về phân chia di sản thừa kế theo quy định. Tuy nhiên xét thấy các nguyên đơn đã thống nhất đồng ý chia cho ông B trọn thửa 459 có diện tích 489,7m². Bà C, ông G đã tự nguyện giao lại là: *Một phần thửa 415 (ký hiệu 415B) có diện tích 697,8m²; một phần thửa 415 (ký hiệu 415C) có diện tích 697,8m²; một phần thửa 460 (ký hiệu 460A) có diện tích là 251.6m².* Do vậy phần ông B được nhận di sản thừa kế rất lớn so với phần các nguyên đơn được nhận nên không thiệt thòi cho ông Bể.

Trên thửa đất 460 tờ bản đồ 10 ông Nguyễn Văn B đã sang lắp chi phí 96.000.000đồng; bà Nguyễn Thị C đã sang lắp chi phí 30.000.000đồng và các nguyên đơn đã thống nhất phần chi phí này nếu các nguyên đơn nào nhận thừa kế trên phần đất thì phải hoàn trả lại phần chi phí sang lắp cho ông B, Bà C phần giá trị tương ứng với phần đất được nhận thừa kế. Như vậy diện tích theo đo đạc thực tế của thửa 460 có diện tích 818,9m² do ông B đã bỏ ra chi phí sang lắp 96.000.000 đồng tính bình quân cho phí sang lắp là 117.200đồng/m²; Bà C đã bỏ ra chi phí sang lắp 30.000.000

đồng tính bình quân cho phí sang lấp là 36.600đồng/m². Phần chi phí sang lấp này do các bên đương sự thống nhất tại phiên tòa, do vậy theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì tình tiết này không phải chứng minh.

Từ những nhận định trên. Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là phù hợp có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn Gái, Nguyễn Thị C chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B. Cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Đ được nhận phần di sản thừa kế gồm: Một phần thửa 460 (ký hiệu 460B) có diện tích là 251,4m²; Một phần thửa 415 (ký hiệu 415A) có diện tích 697,9m²; cùng tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc ấp TQB, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Phần đất hiện nay do ông Bđăng quản lý, sử dụng nên buộc ông Bcó nghĩa vụ giao lại cho bà Đ và bà Đ có có nghĩa vụ hoàn trả chi phí sang lấp cho ông Bvới số tiền là 29.464.000 đồng; cho Bà C với số tiền là: 9.201.200đồng.

Bà Nguyễn Thị C được nhận phần di sản thừa kế gồm: Một phần thửa 460 (ký hiệu 460) có diện tích là 251.6m² do ông Bcó nghĩa vụ giao lại cho Bà C; Một phần thửa 415 (ký hiệu 415B) có diện tích 697,8m²; cùng tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp TQB, xã Bình Thạnh, huyện P, tỉnh Bến Tre. *Ghi nhận việc Bà C tự nguyện giao lại cho ông Bđược tiếp tục quản lý sử dụng một phần thửa 415 (ký hiệu 415B) có diện tích 697,8m², đất tọa lạc ấp TQB, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre.* Bà C có có nghĩa vụ hoàn trả chi phí sang lấp cho ông Bvới số tiền là 29.487.500đồng.

Ông Nguyễn Văn Gđược nhận phần di sản thừa kế gồm: Một phần thửa 460 (ký hiệu 460A) có diện tích là 251,6m²; Một phần thửa 415 (ký hiệu 415C) có diện tích 697,8m²; cùng tờ bản đồ số 10 tọa lạc ấp TQB, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre. *Ghi nhận việc ông Gtự nguyện giao lại cho ông Bđược tiếp tục quản lý sử dụng một phần thửa 460 (ký hiệu 460A) có diện tích là 251.6m²; một phần thửa 415 (ký hiệu 415B) có diện tích 697,8m², đất tọa lạc ấp TQB, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.*

Ông Nguyễn Văn B được nhận phần di sản thừa kế gồm: Trọn thửa 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) là loại đất ở nông thôn và cây lâu năm (trên đất có ngôi nhà và tiền chế của ông Bế) và một phần thửa 415 (ký hiệu 415) có diện tích 697,9m²; cùng tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp TQB, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre và được nhận phần của Bà C, ông Ggiao lại là: *Một phần thửa 415 (ký hiệu 415B) có diện tích 697,8m²; một phần thửa 415 (ký hiệu 415C) có diện tích 697,8m²; một phần thửa 460 (ký hiệu 460A) có diện tích là 251.6m²* và ông Bcó nghĩa vụ hoàn trả cho Bà C chi phí sang lấp với số tiền là 9.208.500 đồng.

Ghi nhận tại phiên tòa về việc bà Đ, ông Gái, Bà C và ông Bđều thống nhất chừa lại một phần đất thuộc thửa 460 (ký hiệu 460D) có diện tích 64,5m² để làm lối đi chung cho gia đình.

[5] Các đương sự không có tranh chấp hay yêu cầu giải quyết gì liên quan đến tài sản, công trình khác có trên phần đất tranh chấp chia di sản thừa kế nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do bà Đ, ông Gái, Bà C và ông Blà con liệt sĩ nên được miễn nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về chi phí tố tụng: Tổng số chi phí là 20.783.000 đồng : 3 = 6.927.600 đồng (do bà Đ đã tạm ứng) nên bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn B mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 6.927.600 đồng.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Plà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Xét một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Blà không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 611, 613, 623, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015; Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhập yêu cầu khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị C đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B.

1. Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ chia cho bà Nguyễn Thị Đ được nhận phần di sản thừa kế gồm: Một phần thửa 460 (ký hiệu 460B) có diện tích là 251,4m² và một phần thửa 415 (ký hiệu 415A) có diện tích 697,9m² cùng tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc ấp TQB, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Đ có nghĩa vụ hoàn trả chi phí sang lập cho ông B với số tiền là 29.464.000 (Hai mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng; trả cho Bà C với số tiền là 9.201.200 (Chín triệu hai trăm lẻ một nghìn hai trăm) đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ chia cho bà Nguyễn Thị C được nhận phần di sản thừa kế gồm: Một phần thửa 460 (ký hiệu 460) có diện tích là 251,6m² tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc ấp TQB, xã B T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà C có nghĩa vụ hoàn trả chi phí sang lập cho ông B với số tiền là 29.487.500 (hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

3. Ông Nguyễn Văn B được phần di sản thừa kế gồm: Trọn thửa 459 có diện tích 489,7m² (ký hiệu 459, 459A, 459B) và một phần thửa 415 (ký hiệu 415, 415B, 415C) có diện tích 2.093,5m² cùng tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc ấp TQB, xã Bình Thạnh, huyện P, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên đất.

Ông B có nghĩa vụ hoàn trả chi phí sang lập cho Bà C với số tiền là 9.208.500 (chín triệu hai trăm lẻ tám nghìn năm trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Gái, bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn B cùng quản lý sử dụng một phần đất thuộc thửa 460 (ký hiệu 460D) có diện tích 64,5m² để làm lối đi chung.

(Có họa đồ hiện trạng của thửa 415, 459 vào ngày 26/9/2022; thửa 460 vào ngày 25/8/2022 kèm theo).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đ, Bà C, ông B được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Đ với số tiền là 6.927.600 đồng; ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Đ với số tiền là 6.927.600 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn B được miễn nộp án phí do là con liệt sĩ.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. đề yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Hồ Thị Triết